

Bản án số: **18/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 14/3/2025

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Giang.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông: Nguyễn Đức Nhâm.

2. Ông: Châu Văn Khỏe.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Khổng Thị Thuy - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quyết Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, xét xử công khai vụ án thụ lý số: **78/2024/TLST-HNGĐ**, ngày 15 tháng 10 năm 2024, về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **02/2025/QĐXXST-HNGĐ**, ngày 06 tháng 02 năm 2025. Quyết định hoãn phiên tòa số: **02/2025/QĐST-HNGĐ**, ngày 21 tháng 02 năm 2025 giữa.

1. Nguyên đơn: Anh Triệu Văn S, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Lý Thị P, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt (lần 2 không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai anh Triệu Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu anh và chị Lý Thị P được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương năm 2015, đến ngày 14/4/2016 anh, chị mới đến UBND xã S, huyện N, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do chị P không chịu làm những công việc việc gia đình, thường xuyên chửi bới anh và bố, mẹ đẻ anh cũng như hàng xóm chung quanh. Anh đã gọi mẹ vợ là bà Lý Thị N, địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, lên khuyên bảo chị P nhưng không đạt kết quả gì. Mẹ vợ anh còn bảo vợ chồng không ở được với nhau nữa thì bỏ nhau. Anh, chị tuy còn sống chung một mái nhà nhưng đã ly thân được 02 năm nay rồi, chị P ăn ngủ ở dưới bếp, còn anh ở trên nhà. Khi anh đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Kạn ở nhà chị P không chịu chăm sóc các con, để các con bữa đói bữa no. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị P.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung tên các cháu là Triệu Kim X, sinh ngày: 28/12/2015, Triệu Hằng N1, sinh ngày: 06/5/2018 và cháu Triệu Thị N2, sinh ngày: 20/02/2020. Hiện tại cả 03 con anh là người trực tiếp nấu cơm, nấu ăn cho các cháu. Vợ chồng anh ly hôn nguyện vọng của anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu X và cháu N1, để cháu N2 cho chị P nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai chị Lý Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2008, đến năm 2016 mới đến UBND xã S, huyện N, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Kể từ khi cưới hỏi vợ chồng chị cư trú tại thôn P, xã S, huyện N. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do sau khi chị sinh con thứ ba không còn tinh táo nên không làm những công việc nội trợ, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị đã bỏ về nhà chị gái là Lý Thị P1, sinh năm: 1982, ở thôn E M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang ở từ tháng 10/2024 đến tháng 11/2024 chị đi cùng chị P1 đi làm công nhân ở tỉnh Vĩnh Phúc.

Chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh S được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Chị xác định có 03 con chung với anh S tên các cháu là Triệu Kim X, sinh năm: 2015, Triệu Hằng N1, sinh năm: 2018, Triệu Thị N2, sinh năm: 2020. Chị chỉ nhớ năm sinh của các con chứ không nhớ ngày, tháng sinh các cháu, hiện cả 03 con đang ở cùng với anh S. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn, chị xin nhận được nuôi cháu Triệu Thị N2, chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con, còn cháu X, cháu N1 để anh S nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị P có trình bày vợ chồng chị có 01 số tài sản chung và đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị xác định vợ chồng chị không vay mượn tiền, tài sản của bất kỳ ai.

Quá trình giải quyết Tòa án đã cấp, tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng cũng như tiến hành xác minh tại thôn P, xã S, huyện N, tiến hành lấy lời khai của một số người làm chứng, cũng như lấy lời khai của cháu Triệu Kim X.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử (HĐXX) vào nghị án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của BLTTDS; các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình (viết tắt là Luật HN&GD); Nghị quyết **326/2016/UBTVQH14** quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Triệu Văn S.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Triệu Văn S được ly hôn chị Lý Thị P.

Về con chung: Do chị Lý Thị P không cư trú tại thôn P, xã S mà hiện tại đi làm công nhân ở tỉnh Vĩnh Phúc, không thuận tiện trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Do đó đề nghị HĐXX giao cả 03 cháu X, N1, N2 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Do chị S không thực hiện các thủ tục tố tụng để yêu cầu Toà án giải quyết, do vậy đề nghị HĐXX không xem xét.

Về vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh S và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lý Thị P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã S, huyện N. Việc Tòa án nhân dân huyện Na Hang, thụ lý vụ án trên là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, 35, 39 của BLTTDS. Quá trình giải quyết Tòa án đã cấp, tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho các đương sự và thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng khác. Toà án đã tiến hành lấy lời khai của chị P, tuy nhiên khi Toà án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chị P đã không ký vào biên bản phiên họp. Anh S đã có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải, đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy đây là các trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của BLTTDS. Việc chị P vắng mặt tại phiên toà 02 lần không có lý do, không thông báo cho Tòa án biết, anh S đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Văn S và chị Lý Thị P có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tại các biên bản lấy lời khai các đương sự đều trình bày không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và đề nghị Toà án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. HĐXX xét thấy anh S, chị P đã có một khoảng thời gian dài sống ly thân, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật HN&GD, cần chấp nhận yêu cầu của xin ly hôn của anh S.

[3] Về con chung: Các đương sự đều xác định có 03 con chung tên các cháu là Triệu Kim X, sinh ngày: 28/12/2015, Triệu Hằng N1, sinh ngày: 06/5/2018 và cháu Triệu Thị N2, sinh ngày: 20/02/2020, quá trình xác minh xác minh cũng như

chính bản thân các đương sự đều thừa nhận, hiện nay cả 03 cháu đang do anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ý kiến của anh S đề nghị Toà án giao các cháu X, N1 cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu N2 giao cho chị P nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của chị P nhất trí với ý kiến nêu trên của anh S.

Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của anh S, chị P cũng như nguyện vọng của cháu X. HĐXX xét thấy, hiện nay anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con, theo chị P trình bày hiện đang làm công nhân ở tỉnh Vĩnh Phúc, phải ở trọ. Toà án đã yêu cầu chị P phải cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc thu nhập của chị, đến trước khi Toà án tiến hành xét xử chị P không cung cấp được tài liệu, chứng minh thu nhập. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho các cháu, HĐXX thấy rằng cần giao các cháu X, N1, N2 cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không đề nghị. HĐXX xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự, do vậy không buộc chị Lý Thị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung:

Ý kiến của anh Triệu Văn S đề anh và chị P tự thống nhất thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến chị Lý Thị P: Có trình bày vợ chồng chị có một số tài sản chung và chị đề nghị Toà án giải quyết. Đối với yêu cầu của chị P đã được Toà án giải thích phải làm đơn yêu cầu cũng như nộp tạm ứng chi phí tố tụng mới xem xét giải quyết yêu cầu. Đến trước khi tiến hành xét xử chị P đã không thực hiện trình tự thủ tục tố tụng, do đó HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này, chị S có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: HĐXX xét thấy anh Triệu Văn S thuộc hộ nghèo, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, anh S đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí. HĐXX xét thấy cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh S.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết **326/2016/UBTVQH** 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Triệu Văn S.**

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Triệu Văn S được ly hôn chị Lý Thị P (Giấy chứng nhận kết hôn số: 09, ngày 14/4/2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang).

Về con chung: Giao các cháu Triệu Kim X, sinh ngày: 28/12/2015, Triệu Hằng N1, sinh ngày: 06/5/2018 và cháu Triệu Thị N2, sinh ngày: 20/02/2020 cho anh Triệu Văn S, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Lý Thị P, không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**2. Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm ly hôn cho anh S.**

**3. Về quyền kháng cáo: Anh S, chị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- UBND xã Sinh Long, huyện Na Hang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Trường Giang**

